

Số: 611/QĐ-BKHĐT

Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao kế hoạch vốn đầu tư
nguồn ngân sách nhà nước năm 2016 (đợt 2)

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Nghị định số 116/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 2526/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2016;

Căn cứ Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 12 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2016 (đợt 2),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là các Bộ, ngành trung ương và địa phương) chi tiết kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2016 (đợt 2), bao gồm thu hồi các khoản vốn ứng trước kế hoạch tại các Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Các Bộ, ngành trung ương và địa phương triển khai:

1. Thông báo cho các đơn vị danh mục và mức vốn kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách trung ương cho từng dự án theo quy định tại Điều 1 Quyết định này và gửi báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 20 tháng 5 năm 2016. Hoàn trả số vốn ứng trước kế hoạch theo kết quả giải ngân đến hết thời gian quy định theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, nhưng không vượt quá mức vốn kế hoạch năm 2016 bố trí để hoàn trả các khoản vốn ứng trước.

2. Chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan thanh tra, kiểm toán về tính chính xác của các thông tin, số liệu của các dự án theo quy định tại khoản 8 Điều 2 Quyết định số 2038/QĐ-BKHĐT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Kế trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

3. Bố trí tối thiểu mức vốn kế hoạch năm 2016 được giao tại Phụ lục II kèm theo để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản của từng dự án.

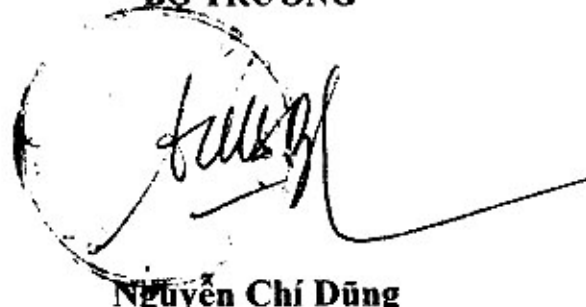
4. Thực hiện chế độ báo cáo và thời gian giải ngân kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2016 theo quy định tại khoản 7 Điều 2 và Điều 3 Quyết định số 2038/QĐ-BKHĐT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Kế trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2016.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Lãnh đạo Bộ;
- Các đơn vị liên quan trong Bộ (theo danh sách);
- Lưu: Văn thư, TH (3b).

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Chí Dũng

Phụ lục I

BỘ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2016 (ĐỢT 2)

(Phụ lục kèm theo Quyết định số 611/QĐ-BKHĐT ngày 12 tháng 5 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: Triệu đồng


STT	Nguồn vốn/Chương trình	Kế hoạch NSTW năm 2016 (vốn trong nước)
	TỔNG SỐ	57.414
1	Chương trình mục tiêu Phát triển kinh tế - xã hội các vùng	28.000
2	Chương trình mục tiêu Hỗ trợ vốn đối ứng ODA cho các địa phương	6.254
2	Chương trình mục tiêu Phát triển lâm nghiệp bền vững	9.000
4	Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa	14.160

Phụ lục II

DANH MỤC DỰ ÁN BỔ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2016 (DỢT 2)

(Phụ lục kèm theo Quyết định số 611/QĐ-BKHĐT ngày 12 tháng 5 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	 Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTCP giao KH 2012, 2013			Quyết định đầu tư điều chỉnh sau thời điểm giao KH năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ			Lấy kế vốn đã bố trí đến hết KH năm 2015		Kế hoạch NSTW năm 2016 (dợt 2)
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tổng các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	
					Tổng số (tổng các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tổng các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG SỐ				1.367.908	996.789		1.104.006	876.789	439.047	299.330	51.160
I	Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng				1.104.006	876.789		1.104.006	876.789	433.007	293.490	28.000
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2016				901.899	704.682		901.899	704.682	418.007	293.490	18.000
	Dự án nhóm B											
I	Đường Bán Năm - Bình Độ - Đào Viên	Tràng Định	2012-2016	1690/QĐ-UBND; 24/10/2010	613.371	497.371	1690/QĐ-UBND; 24/10/2010	613.371	497.371	320.590	207.590	10.000
2	Kế bảo vệ bờ sông Kỳ Cùng (giai đoạn III)	TPLS	2011-2017	660/QĐ-UBND; 10/5/2010; 812/QĐ-UBND ngày 25/5/2011	288.528	207.311	660/QĐ-UBND; 10/5/2010; 812/QĐ-UBND ngày 25/5/2011	288.528	207.311	97.417	85.900	8.000
(2)	Dự án khởi công mới năm 2016				202.107	172.107		202.107	172.107	15.000		10.000
	Đường Bán Ngà - Xã Thườn - Bán Lầy - Pắc Lẻ	Cao Lộc	2015-2018	288/QĐ-UBND ngày 24/02/2016	202.107	172.107		202.107	172.107	15.000		10.000
II	Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững				234.056	100.000						9.000
	Dự án khởi công mới năm 2016				234.056	100.000						9.000

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTCP giao KH 2012, 2013		Quyết định đầu tư điều chỉnh sau thời điểm giao KH năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ		Lấy kế vốn đã bố trí đến hết KH năm 2015		Kế hoạch NSTW năm 2016 (dự 2)		
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
	Dự án bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2016-2020	toàn tỉnh	2016-2020	468/QĐ-UBND ngày 31/3/2016	234.056	100.000				9.000		
III	Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa				29.846	20.000			6.040	5.840	14.160	
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2016				29.846	20.000			6.040	5.840	14.160	
	Dự án nhóm B											
	Tôn tạo di tích đội cứu quốc quân Bắc Sơn		2012-2016	1142 17/8/2012	29.846	20.000			6.040	5.840	14.160	

Phụ lục III

DANH MỤC DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2016 (đợt 2)

(Phụ lục kèm theo Quyết định số 611/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được TTCP giao KH năm 2012, 2013						Quyết định đầu tư điều chỉnh sau thời điểm giao KH năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ						KH năm 2016 (đợt 2) (vốn đối ứng nguồn NSTW)
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT						
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)			
					Vốn đối ứng (vốn trong nước)					Vốn đối ứng (vốn trong nước)					
					Tổng số	Trong đó: NSTW				Tính bằng ngoại tệ	Quy đổi ra tiền Việt		Tổng số	Trong đó: NSTW	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ			78.396	43.589	33.500		34.807		107.400	72.593	43.051		34.807	6.254
	Lĩnh vực Giao thông			78.396	43.589	33.500		34.807		107.400	72.593	43.051		34.807	6.254
	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đi vào sử dụng trước 31/12/2015			78.396	43.589	33.500		34.807		107.400	72.593	43.051		34.807	6.254
	Dự án nhóm B														
	Đường Lộc Yên - Thanh Lòa giai đoạn 1	2010-2012	1152/QĐ-UBND; 2/8/2010	78.396	43.589	33.500		34.807	1810/QĐ-UBND; 23/11/2013	107.400	72.593	43.051		34.807	6.254